

*Lai Vung, ngày 13 tháng 8 năm 2020*

Số: 62 /2020/QĐST-DS.

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2020, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 135/2020/TLST-DS, ngày 10 tháng 6 năm 2020;

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Địa chỉ: số 35 Hàng Vôi, quận Hoàng Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền ông Đoàn Hữu T; Chức vụ Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc theo Quyết định số 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019. Ủy quyền cho ông Từ Ngọc T, chức vụ: Phó phòng KHCN-BIDV Sa Đéc. Địa chỉ: số 74 HV, phường 2, TP SĐ, tỉnh ĐT. Theo Quyết định số 557/BIDV.SĐ-QLRR, ngày 15/10/2019;

- *Bị đơn*: Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm: 1963; Địa chỉ: 119/LH/0180 (119/1) ấp LT, xã LH, huyện LV, tỉnh ĐT.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Lê Xuân T, sinh năm: 1960. Lê Minh Đ, sinh năm: 1988; Lê Thị Thu H, sinh năm: 1990. Cùng địa chỉ: 119/LH/0180 (119/1) ấp LT, xã LH, huyện LV, tỉnh ĐT.

## 2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyễn Thị Cẩm H; Lê Xuân T đồng ý tự nguyện trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền nợ vay vốn là 244.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 40.998.821 đồng (tạm tính đến ngày 04/8/2020), tổng cộng vốn và lãi là 284.998.821 đồng (Hai trăm tám mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm hai mươi một đồng) và phải chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2019/8710802/HĐTD, ký ngày 23/01/2019 kể từ ngày 05/8/2020 đến khi trả xong nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam mà Nguyễn Thị Cẩm H; Lê Xuân T chưa thanh toán xong nợ gốc và lãi theo hợp đồng, thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự kê biên, phát mãi, bán đấu giá tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2016/7502637, ngày 5/7/2016 thửa đất số 1196, tờ bản đồ 2, diện tích 4000m<sup>2</sup>, đất trồng lúa, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 761951, sổ vào sổ cấp GCN: 00640 QSDĐ/H, do UBND huyện Lai Vung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Xuân T và tài sản gắn liền với đất.

Trong trường hợp Nguyễn Thị Cẩm H; Lê Xuân T đã thi hành án xong mà tài sản thế chấp không bị kê biên, phát mãi, bán đấu giá để thi hành án thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phải trả lại cho bên thế chấp là Nguyễn Thị Cẩm H; Lê Xuân T toàn bộ bản chính giấy tờ thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2016/7502637, ngày 5/7/2016.

Lê Minh Đ và Lê Thị Thu H thống nhất theo ý kiến trình bày của Nguyễn Thị Cẩm H; Lê Xuân T nếu Nguyễn Thị Cẩm H; Lê Xuân T không trả nợ thì Lê Minh Đ và Lê Thị Thu H đồng ý xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2016/7502637, ngày 5/7/2016, không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này.

- Án phí; Tạm ứng án phí:

+ Nguyễn Thị Cẩm H; Lê Xuân T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.125.000 đồng (bảy triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

+ Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam 7.350.000 đồng (bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005053 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND H.Lai Vung;
- CC THA DS H. Lai Vung
- Các đ/s;
- Lưu HS, AV;

**THẨM PHÁN**

**Huỳnh Thị Bích Huyền**